TRUNG TÂM TRÍ VIỆT – IELTS MASTER

ĐỀ THAM KHẢO

ĐỀ THAM KHẢO TUYỂN SINH VÀO LỚP 10
NĂM HỌC: 2025 – 2026
Môn thi: TIẾNG ANH
Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

TEST 1

I. Choose the word / phrase / sentence (A, B, C or D) that best fits the space or best answers the question given in each sentence. (3.5 pts)

1. Which word has the underlined part pronounced differently from that of the others?

A. **supported** B. approached C. noticed D. finished

- supported => âm /ɪd/
- approached => âm /t/
- noticed (notice /ˈnəʊtɪs/) => ta thấy từ gốc tận cùng là âm /s/ => cho nên khi thêm ed vào thì sẽ phát âm /t/
- finished => âm /t/

=> chọn A

2. Which word has the underlined part pronounced differently from that of the others?

A. necklace B. teddy C. forget D. **eventually**

A. necklace /ˈnekləs/ => phát âm /e/

B. teddy /ˈtedi/ => phát âm /e/

C. forget /fəˈget/ => phát âm /e/

D. **eventually /ɪˈventʃuəli/** => phát âm **/ɪ/**

=> chọn D

3. Which word has a different stress pattern from that of the others?

A. necklace B. wristband C. singer D. **reward**

A. necklace /ˈnekləs/ => nhấn âm 1

B. wristband /ˈrɪstbænd/ => nhấn âm 1

C. singer /ˈsɪŋə(r)/ => nhấn âm 1

D. **reward /rɪˈwɔːd/** => nhấn âm 2

=> chọn D

4. Which word has a different stress pattern from that of the others?

A. **manage** B. forget C. commit D. reward

A. **manage /ˈmænɪdʒ/** => nhấn âm 1

B. forget /fəˈget/ => nhấn âm 2

C. commit /kəˈmɪt/ => nhấn âm 2

0965 440 645 - 0968 379 867
107 ĐƯỜNG SỐ 5, BÌNH TRỊ ĐÔNG B , BÌNH TÂN
Powered by ENGONOW

D. reward /rɪˈwɔːd/ => nhấn âm 2

=> chọn A

5. **Hao:** I love chocolate, ……. I don't eat it often. **Hoa:** That's good; too much sugar isn't healthy.

A. or B. and C. **but** D. so

=> tạm dịch: Hao: Tôi thích sô cô la nhưng tôi không ăn nó thường xuyên.

Hoa: Điều đó tốt; quá nhiều đường không tốt cho sức khỏe.

A. hoặc B. và C. nhưng D. vì thế

=> chọn C

6. **Hao:** When is the meeting scheduled? **Hoa:** It's.....Monday morning.

A. at B. in C. **on** D. by

=> tạm dịch: Hao: Cuộc họp được lên lịch khi nào? Hoa: Đó là vào sáng thứ Hai.

A. tại B. ở C. trên D. bởi

- on Monday morning: sáng thứ 2

=> chọn C

7. **Hao:** Did you leave your phone …….. the bed? **Hoa:** No, it's beside the lamp on the nightstand.

A. in B. between C. over D. **next to**

=> tạm dịch: Hao: Bạn có để điện thoại cạnh giường không?

Hoa: Không, nó ở cạnh chiếc đèn trên tủ đầu giường.

=> chọn D

8. **Hao**: Hi Hoa, what do you think is the most important factor for a strong and happy?

Hoa: I think it's trust and understanding between the members.

A. neighborhood B. team C. family **D. community**

=> tạm dịch: Hao: Xin chào Hoa, bạn nghĩ yếu tố quan trọng nhất để có một cộng đồng vững mạnh và hạnh phúc là gì?

Hoa: Tôi nghĩ đó là sự tin tưởng và thấu hiểu giữa các thành viên.

A. khu phố B. đội C. gia đình D. cộng đồng

=> chọn D

9. **Hao:** Who is the woman …….. is talking to Mr. Smith? **Hoa:** I think she is the new teacher.

A. where B. which C. **who** D. whom

=> tạm dịch: Hao: Người phụ nữ đang nói chuyện với ông Smith là ai? Hoa: Tôi nghĩ cô ấy là giáo viên mới.

- người + who + V

=> chọn C

10. **Hao**: Hi Hoa, do you think teamwork is important for this project?

Hoa: Absolutely! Collaboration is .....to achieve success.

A. optional B. secondary C. **essential** D. irrelevant

=> tạm dịch: Hao: Xin chào Hoa, bạn có nghĩ làm việc nhóm quan trọng đối với dự án này không?

Hoa: Chắc chắn rồi! Hợp tác là điều cần thiết để đạt được thành công.

A. tùy chọn B. thứ cấp C. thiết yếu D. không liên quan

=> chọn C

11. **Hao:** Hi Hoa, have you heard about the storm last night? It caused a lot of problems.

Hoa: Yes, I heard it even managed to..... some of the power lines in our area.

A. happen B. **damage** C. repair D. create

=> tạm dịch: Hao: Chào Hoa, bạn đã nghe nói về cơn bão đêm qua chưa? Nó gây ra rất nhiều vấn đề.

Hoa: Vâng, tôi nghe nói nó thậm chí còn làm hỏng một số đường dây điện trong khu vực của chúng tôi.

A. xảy ra B. hư hỏng C. sửa chữa D. tạo ra

=> chọn B

12. **Hao**: Hi Hoa, where do you live?

Hoa: I live in a small neighborhood just outside the city. It's called a(n) ……..

A. street B. **suburb** C. apartment D. city

=> tạm dịch: Hao: Xin chào Hoa, bạn sống ở đâu?

Hoa: Tôi sống ở một khu phố nhỏ ngay bên ngoài thành phố. Nó được gọi là vùng ngoại ô.

A. đường B. ngoại ô C. căn hộ D. thành phố

=> chọn B

13. **Hao:** Would you like to join me for dinner tonight? **Hoa**: ……..…..

A. No, I don't want to eat. **B. Sure, that sounds great!**

C. I don't have time for that. D. Maybe another day.

=> tạm dịch: Hao: Bạn có muốn cùng tôi ăn tối tối nay không? Hoa: ……..……..

A. Không, tôi không muốn ăn. B. Chắc chắn, điều đó nghe thật tuyệt!

C. Tôi không có thời gian cho việc đó. D. Có lẽ một ngày khác.

=> chọn B

14. **Hao:** What do you think about the new library in town? **Hoa:** …….

A. I haven't visited it yet. **B. I think it's a great addition to the community.**

C. I don't really like books. D. The weather has been lovely.

=> tạm dịch: Hao: Bạn nghĩ gì về thư viện mới trong thị trấn? Hoa: .....

0965 440 645 - 0968 379 867
107 ĐƯỜNG SỐ 5, BÌNH TRỊ ĐÔNG B , BÌNH TÂN
Powered by ENGONOW

A. Tôi chưa đến thăm nó.
B. Tôi nghĩ đó là một sự bổ sung tuyệt vời cho cộng đồng.
C. Tôi thực sự không thích sách.
D. Thời tiết thật dễ thương.

=> chọn B

II. Look at the sign or the notice. Choose the best answer (A, B, C or D) for questions 15 and 16. (0.5 pt)

15. What does the sign say?

A. Do not stand on the toilet seat.

B. Only standing on the toilet seat is allowed.

C. Sit on the toilet seat properly.

D. This toilet is out of order.

=> tạm dịch: Biển hiệu nói lên điều gì?

A. Không đứng trên bệ toilet.

B. Chỉ được phép đứng trên bệ toilet.

C. Ngồi trên bệ toilet đúng cách.

D. Nhà vệ sinh này bị hỏng.

=> chọn A

16. What time does the swimming pool open on weekends?

"SWIMMING POOL HOURS:

- Monday to Friday: 7:00AM – 9:00 PM
- Saturday & Sunday: 8:00AM – 10:00 PM

Note: Children under 12 must be accompanied by an adult.

A. 7:00 AM

B. 8:00 AM

C. 9:00 AM

D. 10:00 AM

=> tạm dịch: Cuối tuần bể bơi mở cửa lúc mấy giờ?

=> chọn B

III. Choose the word (A, B, C or D) that best fits each space in the following passage. (1.5pts)

Dear Hao,

Planet Earth is our home, and it is important for us to take care of it. Every day, we need to (17)…..actions to protect the environment, such as recycling and saving water. Unfortunately, a large (18)……of waste is being produced around the world, which harms nature. Plastic pollution, (19)…..particular, is a big problem for the oceans and the animals living there.

Forests are also in danger because many trees are cut down every year. This affects the air we breathe and the climate of our planet. Clean air is one of the most valuable (20)….we need to survive. Governments and individuals must work together to solve these issues. Everyone can help, even by making (21)…..changes in daily habits. For example, using reusable bags instead of plastic ones can be very (22)…..for the environment.

Let's take care of our planet, so future generations can enjoy its beauty too!

Yours sincerely, Hoa

17. A. do B. **take** C. make D. have

- "take actions" là một collocation thường được sử dụng để diễn tả việc thực hiện hành động.

=> tạm dịch: Every day, we need to take actions to protect the environment, such as recycling and saving water. (Mỗi ngày, chúng ta cần có những hành động để bảo vệ môi trường như tái chế và tiết kiệm nước.)

=> chọn B

18. A. number B. **amount** C. many D. few

- "Amount" được dùng để nói về danh từ không đếm được như "waste." Các từ khác không phù hợp vì "number" thường dùng với danh từ đếm được, và "many" hay "few" không phù hợp với ngữ pháp của câu này.

=> tạm dịch: Unfortunately, a large amount of waste is being produced around the world, which harms nature. (Thật không may, một lượng lớn chất thải đang được sản xuất trên khắp thế giới, gây hại cho thiên nhiên.)

=> chọn B

19. A. at B. on C. **in** D. of

- Cụm từ cố định là "in particular," mang ý nghĩa "đặc biệt là."

=> tạm dịch: Plastic pollution, in particular, is a big problem for the oceans and the animals living there. (Đặc biệt, ô nhiễm nhựa là một vấn đề lớn đối với đại dương và các loài động vật sống ở đó.)

=> chọn C

20. A. **resources** B. activities C. effects D. decisions

- "Resources" mang nghĩa "tài nguyên," phù hợp với ngữ cảnh nói về môi trường. Các từ khác không phù hợp vì "activities," "effects," và "decisions" không diễn tả được ý nghĩa tài nguyên cần thiết.

=> tạm dịch: Clean air is one of the most valuable resources we need to survive. (Không khí sạch là một trong những tài nguyên quý giá nhất mà chúng ta cần để tồn tại.)

A. nguồn lực B. hoạt động C. tác động D. quyết định

=> chọn A

0965 440 645 - 0968 379 867
107 ĐƯỜNG SỐ 5, BÌNH TRỊ ĐÔNG B , BÌNH TÂN
Powered by ENGONOW

21. A. **small** B. expensive C. short D. sudden

- "Small changes" nghĩa là những thay đổi nhỏ, phù hợp với ngữ cảnh về việc bảo vệ môi trường.

=> tạm dịch: Everyone can help, even by making small changes in daily habits. (Mọi người đều có thể giúp đỡ, thậm chí bằng cách thực hiện những thay đổi nhỏ trong thói quen hàng ngày.)

A. nhỏ B. đắt C. ngắn D. đột ngột

=> chọn A

22. A. **helpful** B. harmful C. useless D. risky

- "Helpful" nghĩa là hữu ích, phù hợp với ngữ cảnh nói về hành động bảo vệ môi trường. Các lựa chọn khác mang ý

nghĩa tiêu cực hoặc không liên quan.

=> tạm dịch: For example, using reusable bags instead of plastic ones can be very helpful for the environment. (Ví dụ, sử dụng túi tái sử dụng thay vì túi nhựa có thể rất hữu ích cho môi trường.)

A. hữu ích B. có hại C. vô dụng D. rủi ro

=> chọn A

IV. Read the following brochure. Decide whether the statements from 23 to 26 are True or False and choose the correct answer (A, B, C or D) to complete the statements in the questions 27 and 28. (1.5 pts)

English – The Global Language

English is one of the most widely spoken languages in the world. Over 1.5 billion people use English, either as their first language or as a second language. This makes it an important tool for communication across countries and cultures.

Where is English Spoken?

English is the official language in 67 countries and is also widely spoken in over 100 others. From Australia to Canada, from the United States to India, English serves as a bridge for millions of people.

The Importance of English

English is often called the "**language of opportunity**." It is used in business, education, science, and entertainment. For students, learning English opens doors to studying abroad, better job opportunities, and understanding global media.

English in Education

Many schools worldwide include English in their curriculum. Students often take English exams to qualify for higher education or job positions. Universities in countries like the UK, the US, and Australia require international students to have a good level of English proficiency.

English and the Interne

Did you know that more than half of the content on the internet is in English? From social media

0965 440 645 - 0968 379 867
107 ĐƯỜNG SỐ 5, BÌNH TRỊ ĐÔNG B , BÌNH TÂN
Powered by ENGONOW

platforms to online courses, English helps people connect and learn. Knowing English makes it easier to access information from all over the world.

Interesting Facts About English

- The word "English" comes from the name of an ancient tribe, the Angles.
- English has more than 170,000 words, with new ones being added every year.
- It is the most studied language in the world, with over 1 billion learners!

23. English is spoken as a second language by over 1.5 billion people. **True**

=> tạm dịch: Tiếng Anh được nói như ngôn ngữ thứ hai bởi hơn 1,5 tỷ người.

=> dẫn chứng: Over 1.5 billion people use English, either as their first language or as a second language. (Hơn 1,5 tỷ người sử dụng tiếng Anh, hoặc là ngôn ngữ mẹ đẻ hoặc là ngôn ngữ thứ hai).

=> chọn True

24. English is the official language in more than 80 countries. **False**

=> tạm dịch: Tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức ở hơn 80 quốc gia.

=> dẫn chứng: English is the official language in 67 countries and is also widely spoken in over 100 others. (Tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức ở 67 quốc gia và cũng được sử dụng rộng rãi ở hơn 100 quốc gia khác.)

=> chọn False

25. More than half of the internet content is available in English. **True**

=> tạm dịch: Hơn một nửa nội dung trên Internet có sẵn bằng tiếng Anh.

=> dẫn chứng: Did you know that more than half of the content on the internet is in English? (Bạn có biết rằng hơn một nửa nội dung trên internet là bằng tiếng Anh?)

=> chọn True

26. Learning English helps students get into universities worldwide. **True**

=> tạm dịch: Học tiếng Anh giúp học sinh vào được các trường đại học trên toàn thế giới.

=> dẫn chứng: Universities in countries like the UK, the US, and Australia require international students to have a good level of English proficiency. (Các trường đại học ở các nước như Anh, Mỹ và Úc yêu cầu sinh viên quốc tế phải có trình độ tiếng Anh tốt.)

=> chọn True

27. According to this brochure, English is called the "**language of opportunity**" because …….

A. It is easy to learn. **B. It opens up job and study opportunities.**

C. It is the oldest language in the world. D. It is used in 67 countries.

=> giải thích: Theo tài liệu này, tiếng Anh được gọi là "ngôn ngữ cơ hội" vì …….

A. Nó rất dễ học. B. Nó mở ra cơ hội việc làm và học tập.

C. Nó là ngôn ngữ lâu đời nhất trên thế giới. D. Nó được sử dụng ở 67 quốc gia.

=> dẫn chứng: English is often called the "language of opportunity." It is used in business, education, science, and entertainment. For students, learning English opens doors to studying abroad, better job opportunities, and understanding global media. (Tiếng Anh thường được gọi là "ngôn ngữ của cơ hội". Nó được sử dụng trong kinh doanh, giáo dục, khoa học và giải trí. Đối với sinh viên, học tiếng Anh mở ra cánh cửa du học, cơ hội việc làm tốt hơn và hiểu biết về truyền thông toàn cầu.)

=> chọn B

28. All of the following statements are mentioned in the brochure EXCEPT ……..

A. English is a common language for online courses.

B. English is the most studied language in the world.

C. English is used for communication in science and entertainment.

D. English has 170 million speakers worldwide.

=> giải thích: Tất cả các tuyên bố sau đây đều được đề cập trong tài liệu này NGOẠI TRỪ ……..

A. Tiếng Anh là ngôn ngữ phổ biến cho các khóa học trực tuyến. => Đoạn English and the Internet đề cập rằng hơn một nửa nội dung trên internet bằng tiếng Anh và tiếng Anh giúp mọi người tham gia các khóa học trực tuyến. Điều này xác nhận rằng tiếng Anh là ngôn ngữ phổ biến trong các khóa học trực tuyến.

B. Tiếng Anh là ngôn ngữ được học nhiều nhất trên thế giới. => Đoạn Interesting Facts About English (Sự thật thú vị về tiếng Anh) nêu rõ: "It is the most studied language in the world, with over 1 billion learners! "(Đây là ngôn ngữ được học nhiều nhất trên thế giới với hơn 1 tỷ người học!) Điều này chứng minh rằng đây là ngôn ngữ được học nhiều nhất trên thế giới.

C. Tiếng Anh được sử dụng để giao tiếp trong khoa học và giải trí. => Đoạn The Importance of English khẳng định tiếng Anh được sử dụng trong kinh doanh, giáo dục, khoa học và giải trí ("It is used in business, education, science, and entertainment.").

D. Tiếng Anh có 170 triệu người nói trên toàn thế giới. => Không có thông tin nào trong bài viết đề cập rằng tiếng Anh có 170 triệu người nói. Thay vào đó, bài viết nêu rõ hơn 1,5 tỷ người sử dụng tiếng Anh ("Over 1.5 billion people use English"). Do đó, phát biểu này không đúng với thông tin trong bài.

=> chọn D

V. Use the correct form of the word given in each sentence. (1.5 pts)

29. The benefits of regular exercise are **obvious**, such as improved health and higher energy levels. (obvious)

=> tạm dịch: Lợi ích của việc tập thể dục thường xuyên là rõ ràng, chẳng hạn như sức khỏe được cải thiện và mức năng lượng cao hơn.

=> tính từ

- be + adj

30. The **industry** of the company has increased significantly due to innovation. (industry)

=> tạm dịch: Ngành công nghiệp của công ty đã tăng lên đáng kể do sự đổi mới.

=> danh từ

- the + N + of

31. A **realist** is a person who accepts and deals with a situation as it really is and does not try to pretend that it is different. (real)

=> tạm dịch: Người thực tế là người chấp nhận và giải quyết một tình huống như thực tế và không cố giả vờ rằng nó khác.

=> danh từ

- a + N

32. Who **invented** the steam engine? (invent)

=> tạm dịch: Ai đã phát minh ra máy hơi nước?

=> động từ

- who + V

33. Mothers are often the ones who provide **emotional** support for the family. (emotion)

=> tạm dịch: Các bà mẹ thường là người hỗ trợ tinh thần cho gia đình.

=> tính từ

- Adj + N

34. We are employing an assistant to help with the **advertisement** of the group's activities. (advertise)

=> tạm dịch: Chúng tôi đang tuyển dụng một trợ lý để giúp quảng cáo các hoạt động của nhóm.

=> danh từ

- the + N + of

0965 440 645 - 0968 379 867
107 ĐƯỜNG SỐ 5, BÌNH TRỊ ĐÔNG B , BÌNH TÂN
Powered by ENGONOW

VI. Look at the entry of the word "local" in a dictionary. Use what you can get from the entry to complete the sentences with two or three words. (0.5 pt)

local *adjective*

A1 OPAL W

/ˈləʊkl/

/ˈləʊkl/

[usually before noun]

1 ★ A1 belonging to or connected with the particular place or area that you are talking about or with the place where you live

- *local people/residents/businesses*
- *members of the **local community***
- *the **local police***
- *local elections*
- *A local man was accused of the murder.*
- *Our children go to the **local school**.*
- *a **local newspaper*** (= one that gives local news)
- *decisions made **at the local level***
- *It was difficult to understand the local dialect.*

35. **The local police** are investigating the case thoroughly.

=> tạm dịch: Cảnh sát địa phương đang điều tra vụ việc kỹ lưỡng.

36. The **local elections** this year are expected to bring significant changes to the council.

=> tạm dịch: Cuộc bầu cử địa phương năm nay dự kiến sẽ mang lại những thay đổi đáng kể cho hội đồng.

VII. Rewrite each of the following sentences in another way so that it means almost the same as the sentence printed before it. (1.0 pt)

37. The story was given to us by our grandparents. ("pass down")

=> The story ……..

The story was passed down to us by our grandparents.

=> tạm dịch: Câu chuyện được ông bà kể lại cho chúng tôi. => Câu chuyện được ông bà chúng tôi truyền lại cho chúng tôi.

- give sth to sb = pass down: truyền lại

38. I have never visited Paris before.

=> This ……

=> This is the first time I have visited Paris.

0965 440 645 - 0968 379 867
107 ĐƯỜNG SỐ 5, BÌNH TRỊ ĐÔNG B , BÌNH TÂN
Powered by ENGONOW

=> tạm dịch: Tôi chưa bao giờ đến thăm Paris trước đây. => Đây là lần đầu tiên tôi đến thăm Paris.

- S + has / have + never + V3/ed..... + before.

=> This / It + is the first time + S + has / have + V3/ed..... (bỏ "before")

39. Hoa spent lots of time doing this experiment.

=> It took ……..

=> It took Hoa lots of time to do this experiment.

=> tạm dịch: Hoa đã dành rất nhiều thời gian để làm thí nghiệm này. => Hoa đã mất rất nhiều thời gian để làm thí nghiệm này.

It takes / It took + O + time + to V1.....(ai đó mất bao lâu để làm gì)

<=> S + (spend) + time + (on) V-ing..... (ai đó dành bao lâu để làm gì)

- lưu ý:

+ tân ngữ ở câu It takes / It took ta đưa về làm chủ từ ở câu (spend) và ngược lại

+ to V1 <=> V-ing

40. I don't remember the man. You said you met him at the canteen last week.

=> I …….

=> I don't remember the man whom you said you met at the canteen last week.

=> tạm dịch: Tôi không nhớ người đàn ông đó. Bạn nói rằng bạn đã gặp anh ấy ở căng tin vào tuần trước. => Tôi không nhớ người đàn ông mà bạn nói rằng bạn đã gặp ở căng tin tuần trước.

- đại từ quan hệ: whom => thay cho tân ngữ "him"
- người + whom + S

THE END

0965 440 645 - 0968 379 867
107 ĐƯỜNG SỐ 5, BÌNH TRỊ ĐÔNG B , BÌNH TÂN
Powered by ENGONOW